

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 848 /CTCP

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ
trong tài liệu hợp ĐHĐCĐ
thường niên năm 2026

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần 22

Trụ sở chính: Số 763 Đường Nguyễn Văn Linh – Phường Phúc Lợi – Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 02438.276.255

Fax: 02438.276.928

Mã chứng khoán: C22

Sàn giao dịch: Upcom

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Trung Dũng – Chủ tịch HĐQT

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ trong tài liệu hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/6/2026 tại đường dẫn <http://congtv22.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT, T3b.



Nguyễn Trung Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN 22
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 872/TTTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

TỜ TRÌNH

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần 22

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 4284/BQP-TC ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Bộ Quốc phòng về việc biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tại Công ty cổ phần: X20,22,26,32.

Căn cứ Điều lệ được sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần 22 và các quy định của pháp luật hiện hành;

Hội đồng quản trị báo cáo dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần 22, cụ thể như sau:

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT. G03.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trung Dũng

TỔNG CỤC HẬU CẦN – KỸ THUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN 22

DỰ THẢO



**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN 22**

(Sửa đổi, bổ sung năm 2026)

Hà Nội, tháng 6 năm 2026

MỤC LỤC

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần 22 bao gồm:

22 Chương, 69 Điều.

Trong đó:

Nội dung		Trang
Phần mở đầu		3
Chương I:	Định nghĩa các thuật ngữ trong điều lệ	4
Chương II:	Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của công ty	5
Chương III:	Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty	7
Chương IV:	Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	10
Chương V:	Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	15
Chương VI:	Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	15
Chương VII:	Hội đồng Quản trị	26
Chương VIII:	Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và thư ký	35
Chương IX:	Ban kiểm soát	38
Chương X:	Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý	40
Chương XI:	Người đại diện phần vốn nhà nước	41
Chương XII:	Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ của Công ty	43
Chương XIII:	Tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng trong Công ty	44
Chương XIV:	Phân phối lợi nhuận	45

Chương XV:	Tài khoản ngân hàng, năm tài chính và chế độ kế toán	46
Chương XVI:	Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên và trách nhiệm công bố thông tin	47
Chương XVII:	Kiểm toán công ty	48
Chương XVIII:	Dấu của doanh nghiệp	48
Chương XIX:	Giải thể công ty	49
Chương XX:	Giải quyết tranh chấp nội bộ	50
Chương XXI:	Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	51
Chương XXII:	Ngày hiệu lực	51

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;
- Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;
- Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Quyết định số: 1359/QĐ-BQP ngày 01 tháng 7 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc cổ phần hoá Công ty Cổ phần 22-Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc Phòng và quyết định số:1392/QĐ-BQP ngày 12/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty 22 thành Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần 22 xây dựng điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần 22 trên cơ sở các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật Việt Nam sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Điều lệ này được sửa đổi bổ sung, thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần 22 tổ chức vào ngày tháng... năm 2026.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trừ trường hợp các điều khoản của Điều lệ này có định nghĩa cá biệt, những thuật ngữ sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

a. “Hội đồng” là Hội đồng Quản trị của Công ty.

b. “Địa bàn kinh doanh” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

c. “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

d. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15.

e. “Ngày thành lập” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

g. “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đang hiện hành.

h. “Cán bộ quản lý” là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc và Kế toán trưởng.

i. “Người liên quan” là bất cứ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

k. “Cổ đông” là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phần do Công ty phát hành.

1. “Thời hạn” là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian gia hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

m. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có ý nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN 22

Tên tiếng Anh:

22 JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:

22JSC

2. Công ty Cổ phần 22 (sau đây gọi tắt là Công ty) là Doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần, được tổ chức hoạt động theo Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam và theo Điều lệ tổ chức, hoạt động của công ty.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

a. Địa chỉ: Số 763 Đường Nguyễn Văn Linh phường Phúc Lợi thành phố Hà Nội

b. Điện thoại : 0243 8755946

c. Fax : 0243 8276928

d. E-mail : info@congty22.com.vn

4. Công ty gồm có các đơn vị thành viên trực thuộc.

5. Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty là đại diện duy nhất của Công ty trước pháp luật.

6. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 62 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ Ngày Thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

1. Công ty Cổ phần 22:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của Pháp luật Việt Nam.
- Có con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Có Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ.
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, được hạch toán độc lập và tự chủ về tài chính.
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo quy định của pháp luật, theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Đơn vị trực thuộc Công ty:

Tự chịu trách nhiệm toàn diện về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, không tổ chức hạch toán riêng, được tự chủ trong điều hành đơn vị và một số quyền khác do Công ty phân cấp.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Doanh nghiệp.

b. Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp: Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Chức năng và lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

a. Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, dụng cụ cấp dưỡng, dụng cụ gia đình và các sản phẩm cơ kim khí ngành quân lương, quân trang;

b. Sản xuất kinh doanh các vật tư thiết bị công nghệ xử lý nước;

c. Sản xuất kinh doanh bia, nước giải khát, thức ăn gia súc, gia cầm;

d. Sản xuất các mặt hàng dụng cụ, doanh cụ, dụng cụ huấn luyện, logo biểu tượng, kỷ niệm chương;

e. Liên doanh liên kết sản xuất với các đối tác trong và ngoài nước, xuất nhập khẩu thiết bị, công nghệ, vật tư, các sản phẩm phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty và một số ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh về các lĩnh vực theo các ngành nghề đăng ký nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh đã đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp các quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành các hình thức sản xuất kinh doanh khác không trái pháp luật mà Hội đồng Quản trị xét thấy có lợi cho Công ty và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, thông báo và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 7. Quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của Công ty.

1. Công ty có quyền quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông đóng góp, đất đai và tài nguyên được giao sử dụng và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với

mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân công và điều chỉnh nguồn lực giữa Công ty và các đơn vị trực thuộc đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Đổi mới trang thiết bị, công nghệ phù hợp với yêu cầu phát triển và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

4. Đặt chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty ở trong nước, ở nước ngoài theo quy định pháp luật.

5. Kinh doanh những ngành nghề được pháp luật cho phép.

6. Tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước, được trực tiếp xuất nhập khẩu theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

7. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ.

8. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm kiểu dáng công nghiệp, mã số vạch, tên gọi, xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Đầu tư, liên doanh, liên kết góp vốn cổ phần với các đối tác trong và ngoài nước, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất kinh doanh.

10. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định khác của pháp luật.

11. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác sản xuất kinh doanh của Công ty và theo các quy định khác của Nhà nước.

Điều 8. Quyền quản lý tài chính của Công ty

1. Sử dụng vốn và các quỹ của Công ty để phục vụ các nhu cầu trong sản xuất kinh doanh theo nguyên tắc bảo toàn và phát triển phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Phát hành, chuyển nhượng, bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định sử dụng và phân phối phân lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Được hưởng chế độ ưu đãi về tài chính khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Cổ phần 22 khi tham gia hoạt động công ích

Khi được Nhà nước hoặc Bộ Quốc Phòng, đặt hàng hoặc tham gia đấu thầu thực hiện hoạt động công ích, Công ty được sử dụng vốn và các nguồn lực khác của mình để thực hiện kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích theo chế độ và quy định của pháp luật về các hoạt động công ích.

Trường hợp không được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, Quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước thì Công ty phải bù đắp chi phí sản xuất, sản phẩm, dịch vụ cho những hoạt động công ích đó.

Phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật khi tham gia hoạt động công ích.

Điều 10. Quyền từ chối

Có quyền từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp của các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

Điều 11. Nghĩa vụ quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện.

2. Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu và năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế đã ký kết với đối tác.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, đảm bảo người lao động tham gia quản lý Công ty bằng Thỏa ước lao động tập thể và các quy chế khác.

5. Thực hiện các quy định của Nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, an ninh quốc gia và công tác phòng cháy chữa cháy.

6. Thực hiện chế độ báo cáo thống kê, kế toán: Báo cáo định kỳ theo quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo.

7. Tuân thủ sự kiểm tra khi cần thiết của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Nghĩa vụ tài chính của Công ty

1. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quỹ, hạch toán kế toán - thống kê, chế độ kiểm toán và các chế độ khác do pháp luật quy định; chịu trách nhiệm về tính xác thực và kịp thời của các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Bảo toàn và phát triển vốn.

3. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm thành lập theo quy định của pháp luật.

4. Công bố công khai các thông tin và các báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 13. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ khi thành lập Công ty là: 35.500.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

2. Vốn điều lệ của Công ty được chia thành: 3.550.000 cổ phần với mệnh giá là: 10.000 VNĐ/cổ phần (Mười nghìn đồng trên một cổ phần).

3. Cơ cấu vốn khi thành lập Công ty:

- Tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ là :51,35%
- Tỷ lệ cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong Công ty: 26,55%
- Tỷ lệ cổ phần bán đấu giá công khai cho đối tượng khác: 22,10%

Tỷ lệ này có thể được điều chỉnh tùy theo tình hình thực tế của Công ty trong từng thời kỳ, sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Việc tăng, giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

- Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ.
- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh.
- Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

6. Không sử dụng vốn điều lệ để chia cho cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, mọi việc sử dụng các khoản nguồn vốn đều phải tuân theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sổ chứng nhận cổ phần (Cổ phiếu)

1. Sổ chứng nhận cổ phần là chứng chỉ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty, được đóng dấu Công ty, có chữ ký của Đại diện theo pháp luật và theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Sổ chứng nhận cổ phần nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.

2. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp miễn phí một sổ chứng nhận cổ phần phù hợp với loại cổ phần mà họ đang sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này.

3. Thời hạn cổ đông được cấp sổ chứng nhận cổ phần là trong vòng hai tháng sau khi mua hoặc chuyển nhượng hợp lệ và tên của cổ đông đã được ghi vào sổ đăng ký Cổ đông.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong sổ chứng nhận cổ phần thì sổ cũ sẽ bị trừ đi phần cổ phần tương ứng và một sổ chứng nhận cổ phần mới được cấp miễn phí ghi nhận số cổ phần được chuyển nhượng.

5. Nếu một sổ chứng nhận cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ thì một sổ chứng nhận cổ phần mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người được nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Đối với sổ chứng nhận cổ phần có giá trị danh nghĩa trên 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), trước khi tiếp nhận đề nghị cấp sổ chứng nhận cổ phần mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phần đăng thông báo về việc sổ chứng nhận cổ phần bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ được Công ty cấp sổ chứng nhận cổ phần mới.

6. Người sở hữu cổ phần phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp sổ này bị mất hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Khi Công ty Cổ phần 22 đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, việc lưu ký, chuyển nhượng và quản lý cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Sổ chứng nhận cổ phần sẽ tự động mất hiệu lực khi hoàn tất các thủ tục lưu ký chứng khoán của các cổ đông trên thị trường giao dịch chứng khoán.

9. Căn cứ các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, tùy từng thời điểm Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những nhà đầu tư bên ngoài;

b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện **cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.**

d. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong trường hợp đó do Hội đồng Quản trị quyết định.

2. Cổ phần phổ thông dự kiến được phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông báo rõ số cổ phần được chào bán bằng văn bản tới địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày (10 ngày) làm việc, kể từ ngày thông báo. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị có thể phân phối bán hoặc giữ lại các cổ phần đó với điều kiện có lợi nhất cho Công ty, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 16. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng theo luật định trừ số cổ phần của Nhà nước giao cho Công ty quản lý được quy định tại các điều khoản trong Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát đương chức không được tự do chuyển nhượng Cổ phần họ đang sở hữu. Trường hợp chuyển nhượng phải được sự đồng ý của Hội đồng Quản trị và phải tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật.

3. Trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phần đều phải thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo quy định của Hội đồng Quản trị. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi hoặc người thay mặt hợp pháp của bên chuyển nhượng. Trong mọi trường hợp chuyển nhượng cổ phần, bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên, địa chỉ, số lượng cổ phần của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

4. Hội đồng Quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ cho Công ty tiền mua cổ phần.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

Điều 17. Mua lại cổ phần

1. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những cách thức được quy định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội cổ đông đã cho phép theo quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần quỹ và có thể được Hội đồng Quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

a. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định theo Luật Doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

b. Cổ phần được mua lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật này.

c. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ

hoặc chậm tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày), kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 18. Phát hành trái phiếu

1. Tùy theo nhu cầu tài chính của Công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường Công ty sẽ phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng Quản trị sẽ quyết định loại trái phiếu, các điều kiện của trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Nếu phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán việc phát hành sẽ tuân theo pháp luật về chứng khoán.

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty cổ phần lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có những nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh với cổ đông là tổ chức;

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần;

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.

4. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông
- b. Hội đồng Quản trị
- c. Ban kiểm soát
- d. Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, cơ cấu tổ chức, quản lý của Công ty có thể thay đổi theo quy định của pháp luật để phù hợp với yêu cầu và mục tiêu thực tế.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 21. Quy định chung về cổ đông

1. Cổ đông của Công ty Cổ phần 22 là những pháp nhân hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty.

2. Cổ đông được công nhận chính thức khi đã hoàn thành các thủ tục cần thiết để nộp tiền theo quy định của pháp luật và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với cổ phiếu đã niêm yết, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty:

a) Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân:

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước không có Hội đồng Quản trị, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

- Đối với doanh nghiệp Nhà nước có Hội đồng Quản trị, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, doanh nghiệp liên doanh là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc.

b) Người đại diện theo pháp luật nêu tại các điểm trên đây có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền cho người khác.

c) Cổ đông là cá nhân có thể uỷ quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật

và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty cổ phần.

d) Việc uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần.

e) Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay đổi người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.

g) Trong trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân mới này phải gửi cho Hội đồng Quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng Quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông pháp nhân giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân hoặc cá nhân khác. Quy định này không áp dụng đối với cổ phiếu đã niêm yết, lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Điều 22. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông là những người chủ sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ.

2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, tất cả các cổ phần do Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông (Trừ số cổ phần của Nhà nước giao cho Công ty quản lý).

3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

b. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, cổ đông được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ khác theo luật định;

e. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 132 của Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp đặc biệt, Công ty sẽ mua lại cổ phiếu của những cổ đông đó với giá được ghi nhận trên sổ sách kế toán của Công ty hoặc với giá mà cổ đông phải trả cho Nhà nước khi mua cổ phần ưu đãi cộng với lãi

suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Ngoại thương tại thời điểm bán lại. Thời hạn trả lãi tính từ thời điểm nhận cổ tức gần nhất;

g. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.

4. Một cổ đông hoặc đại diện một nhóm cổ đông khi tham dự trong các đại hội đồng cổ đông có các quyền sau:

a. Phát biểu, thực hiện quyền bầu cử và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông có đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

c. Được nhận những thông tin có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích vật chất của cổ đông.

5. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử một hoặc nhiều ứng cử viên tham gia Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 5 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo Khoản 3 điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bầu phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Được nhận ít nhất một năm một lần, kế hoạch kinh doanh, dự toán tài chính có liên quan đến hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty và những thông tin khác có ảnh hưởng đến quyền và lợi ích vật chất của cổ đông;

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

6. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: Thực hiện theo khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

2. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định;

3. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông Thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

2. Đại hội đồng cổ đông Thường niên do Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng Quản trị quy định trong vòng 04 tháng kể từ khi kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định.

3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

b. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo tài chính hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng Quản trị cũng nhận thấy như vậy;

c. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy Vốn Điều lệ đã bị mất một phần ba;

d. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

e. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 5 Điều 22 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan. Trong trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp cổ đông trong thời hạn quy định tại Khoản 4.a Điều 24 dưới đây hoặc có thể lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản, nếu từ 65% giá trị cổ phiếu trở lên theo vốn Điều lệ xét thấy không cần phải thực hiện triệu tập Đại hội thì Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thông báo lại kết quả cho nhóm cổ đông nêu trên được biết (văn bản kiến nghị và phiếu trưng cầu ý kiến của cổ đông có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan). Sau 30 ngày kể từ ngày có kết quả lấy ý kiến của cổ đông như đã nêu trên, nhóm cổ đông đã nói hoặc một nhóm cổ đông khác mới có quyền yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

g. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông nếu Ban kiểm soát có

đủ bằng chứng cho rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc bộ máy quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 140 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Các vấn đề khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a. Thời hạn Hội đồng Quản trị phải triệu tập cuộc họp cổ đông là trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Khoản 3.e hoặc 3.f trên đây;

b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ thay thế Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Hội đồng Quản trị không thể triệu tập cuộc họp nêu trên và Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 3.e của Điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông;

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp các cổ đông theo quy định tại khoản 4.c sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty;
- c. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- d. Báo cáo của các kiểm toán viên;
- e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông Thường niên và Bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Phê chuẩn các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với các loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

- Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
- d. Lựa chọn Công ty kiểm toán khi cần thiết;
- e. Bầu, bãi miễn Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị.
- h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
- i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành;
- k. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- l. Tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- n. Giao dịch mua bán, tài sản của Công ty có giá trị theo phân cấp quyền hạn tài chính tại Điều 56 của Điều lệ này;
- o. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần thuộc bất kỳ loại cổ phần nào đang phát hành;
- p. Công ty hoặc các chi nhánh nào của Công ty ký hợp đồng với những đối tượng được quy định tại **Điều 167 của Luật Doanh nghiệp**;
- q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để thông qua:
- a. Các hợp đồng quy định tại điểm P Khoản 2 Điều 25 nếu cổ đông đó hoặc người liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc bất kỳ người nào có liên đến cổ đông đó.
4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các Nghị quyết về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 26. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông, đại diện được uỷ quyền có quyền được biểu quyết và bầu cử tại cuộc họp cổ đông nhưng không có quyền được đề cử hoặc ứng cử với tư cách cá nhân.

2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu chung được Hội đồng Quản trị chấp thuận và được ký bởi Người ủy quyền có quyền, văn bản ủy quyền phải được công chứng nếu người được ủy quyền là người ngoài Công ty, nếu người được ủy quyền là người trong Công ty thì văn bản ủy quyền được xác nhận bởi Ban Giám đốc Công ty hoặc Công chứng.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự,
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 27. Thay đổi các quyền

Trừ khi các điều khoản về phát hành cổ phần được quy định khác đi, tất cả các quyền gắn liền với từng loại cổ phần sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 28. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4.b hoặc 4.c Điều 24 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định của Công ty;
- b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội;
- c. Gửi thông báo cho tất cả các cổ đông về đại hội.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức

để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; Phiếu biểu quyết.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 5 Điều 22 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Hội đồng Quản trị ít nhất 03 ngày trước ngày bắt đầu họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:

- a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
- b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên;
- c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc thông qua các Nghị quyết.

6. Nếu tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết hiện diện trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông thì những Nghị quyết được Đại hội nhất trí thông qua với đủ số cổ phần biểu quyết được quy định trong Điều lệ này đều là những Nghị quyết hợp lệ ngay cả khi Đại hội đồng cổ đông không được triệu tập một cách phù hợp hoặc nội dung họp không được đưa vào chương trình một cách hợp lý.

Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có cổ đông (hoặc được uỷ quyền của họ) dự họp đại diện >50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lần 2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ 2 cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần 2 không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30

phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội đồng cổ đông có thể được triệu tập lần thứ 3 trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tiến hành Đại hội lần 2 và trong Đại hội lần này bất kể số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền được quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

Tỷ lệ phiếu tán thành để thông qua các vấn đề tại Đại hội tổ chức lần thứ hai hoặc thứ ba như quy định tại khoản 2 và 3 của Điều 30 Điều lệ này.

Điều 30. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì do người được uỷ quyền chủ trì. Trường hợp cả Chủ tịch và người được uỷ quyền đều không thể chủ trì Đại hội thì thành viên Hội đồng Quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ đề nghị Đại hội quyết định người chủ trì.

2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi > 50% trở lên tổng số phiếu bầu tính theo cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi bổ sung điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập hoặc tái tổ chức giải thể Công ty, mua bán từ 35% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty phải được thông qua bởi từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu tính theo cổ phần của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 20 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được chủ tọa Đại hội và thư ký ký xác nhận. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

5. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp thực tế đã đến địa điểm họp quy định và có yêu cầu đăng ký.

6. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại

diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách đếm mệnh giá của số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng mệnh giá số phiếu tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng một vấn đề sẽ được chủ tọa thông báo sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó.

7. Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

8. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

9. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất kỳ lúc nào Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông cũng có thể trì hoãn một Đại hội đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:

a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;

b. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;

c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội.

d. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ một vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

10. Chủ tọa đại hội hoặc thư ký đại hội có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ phần tham dự.

11. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền muốn tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng Hội đồng

Quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất một cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi Đại hội.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Các Nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện sở hữu > 50% quyền biểu quyết thông qua bằng hình thức gửi văn bản theo các thủ tục quy định tại Khoản 2 của Điều này.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm sau đây để các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:

a. Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bầu phiếu theo Điều lệ này và pháp luật;

b. Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có thể ra các quyết định có đầy đủ các thông tin;

c. Kiểm phiếu bầu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại.

3. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức văn bản theo quy định tại Khoản 1 của Điều này có giá trị tương đương các Nghị quyết do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 32. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ

phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, biên bản kiểm phiếu được gửi đến tất cả cổ đông bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty..

Điều 33. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 34. Thành phần, tiêu chuẩn và nhiệm kỳ

1. Số thành viên của Hội đồng Quản trị là 05 (năm) người do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng phương thức bỏ phiếu kín.

Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 05 năm và nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng Quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Việc thay thế các thành viên Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc kế thừa, bảo đảm sao cho Hội đồng Quản trị mới được bầu có ít nhất 1/3 số thành viên cũ. Thành viên Hội đồng Quản trị phải hội đủ các điều kiện sau:

a. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không được là thành viên Hội đồng Quản trị của một “Tổ chức kinh doanh khác” nếu sản phẩm hoặc dịch vụ của “Tổ chức kinh doanh” này giống hoặc thay thế được cho sản phẩm dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh, cung cấp, Thành viên của Hội đồng Quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý, điều hành của Công ty;

b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp; Tự nguyện công bố trung thực và thường xuyên bổ sung lý lịch kinh doanh của mình cho Đại hội đồng cổ đông quản lý. Lý lịch kinh doanh bao gồm lý lịch cá nhân, cơ sở và ngành nghề kinh doanh do cá nhân mình hoặc “người liên quan” có quyền sở hữu hoặc tham gia quản lý. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

c. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

d. Có năng lực kinh doanh, tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực mà Công ty sản xuất kinh doanh hoặc các lĩnh vực có liên quan;

e. Là cá nhân được một hoặc được một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền đề cử. Phiếu đề cử được lập theo mẫu được Công ty ban hành, trường hợp nhóm cổ đông đề cử thì nhóm cổ đông này phải lập một phiếu đề cử có đầy đủ chữ ký của các cổ đông trong nhóm.

2. Mỗi một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% đến dưới 20% cổ phần được quyền ứng cử hoặc đề cử một ứng cử viên vào danh sách đề bầu vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Mỗi một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% số cổ phần được quyền đề cử hai ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Mỗi một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% số cổ phần được quyền đề cử ba ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát. Mỗi một cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% số cổ phần được quyền đề cử bốn ứng cử viên để bầu vào Hội

đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

3. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị nữa theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi Hội đồng Quản trị khuyết 01 thành viên trở lên và sự khiếm khuyết này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty thì phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 60 ngày để bầu bổ sung số thành viên Hội đồng Quản trị khuyết.

5. Họ tên của Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải được thông báo cùng một lúc với Báo cáo thành lập Công ty.

Điều 35. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị:

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh của Người Đại diện Pháp luật và những người quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và những nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm, bãi nhiệm: Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương, phụ cấp, thưởng của từng chức danh bổ nhiệm;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Thực hiện các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý giải quyết tranh chấp với cán bộ quản lý đó;

g. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng cổ phiếu phát hành theo từng loại;

h. Thực hiện việc phát hành và quyết định giá bán trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

i. Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Phê duyệt xử lý đối với các khoản lỗ phát sinh trong hoạt động của Công ty;

l. Đề xuất việc cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:

a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Việc thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Phê chuẩn danh sách cán bộ điều hành khác của Công ty và quyết định bổ nhiệm các chức danh này.

d. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị quyết định tùy từng thời điểm việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm Công ty và liên doanh) trừ trường hợp được **quy định Điều 167 Luật Doanh nghiệp** đều phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.

e. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;

g. Các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp tài sản của Công ty có giá trị như quy định phân cấp quyền hạn tài chính tại Điều 56 của Điều lệ này.

h. Việc mua bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

i. Việc định giá các tài sản góp phần vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

k. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại.

l. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

m. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng Quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng đối với “người đại diện pháp luật của Công ty” và những cán bộ quản lý trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ coi là chưa được Hội đồng thông qua và không có giá trị.

6. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và cán bộ quản lý đại diện hành xử thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác.

7. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị do Công ty trả. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng Quản trị hoặc nếu không thoả thuận thì được chia đều.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và số tiền mỗi thành viên được ghi nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Các thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị, nếu phải thực hiện thêm công việc khác ngoài nhiệm vụ đã được Công ty phân công theo chức trách của họ, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

10. Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải trả khi thực hiện trách nhiệm Hội đồng Quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham gia các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của Đại hội đồng cổ đông. Các chi

phí này do Công ty trả.

Điều 36. Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người do Hội đồng Quản trị bầu ra trong số thành viên Hội đồng Quản trị bằng phương pháp biểu quyết. Phó chủ tịch là người do Hội đồng Quản trị bầu ra trong số thành viên Hội đồng Quản trị bằng phương pháp biểu quyết (chỉ thực hiện khi Hội đồng Quản trị thấy cần thiết).

Chủ tịch Hội đồng Quản trị không kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải hội đủ các điều kiện sau:

- Có trình độ Đại học (hoặc tương đương đại học) trở lên;
- Có thâm niên công tác trong hoạt động quản lý kinh doanh, Tài chính từ 5 năm trở lên.

2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền và nghĩa vụ hoạt động với tư cách Chủ tịch khi được Chủ tịch uỷ quyền. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình như quy định tại khoản 3 Điều 34 Điều lệ này hoặc tạm thời không thể thực hiện được nhiệm vụ của họ vì bất cứ lý do nào đó thì Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải gửi Báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty. Báo cáo Kiểm toán của Kiểm toán viên và Báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức, miễn nhiệm hoặc bị bãi nhiệm vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng Quản trị phải họp để bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 37. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch của Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 ngày trước ngày họp dự kiến, Chủ tịch có thể triệu tập họp bất cứ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất phải mỗi quý họp một lần.

2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập Hội đồng Quản trị mà không được có bất cứ sự trì hoãn bất hợp lý nào, khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.

- a. Tổng Giám đốc.

b. Các thành viên Hội đồng Quản trị.

c. Ban kiểm soát.

3. Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được tiến hành trong vòng 2 tuần sau khi đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp, những người mong muốn tổ chức cuộc họp được đề cập ở Khoản 2 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng Quản trị, trường hợp này cuộc họp phải có ít nhất quá nửa số thành viên của Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát (hoặc hai thành viên của Ban kiểm soát) tham dự.

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty khi kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán tại Công ty có yêu cầu.

5. Địa điểm họp: Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng 05 ngày làm việc trước khi tổ chức. Thông báo về cuộc họp Hội đồng sẽ phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo về cả chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

8. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 8b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết, các phiếu biểu quyết này có giá trị ngang nhau.

b. Thành viên Hội đồng sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng có mặt nhưng không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ Nghị quyết nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 37 của Điều lệ này, trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của vị chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách đích đáng.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9. Tuyên bố lợi ích: Một thành viên Hội đồng trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng Quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề về ký hợp đồng này, nếu khi đó thành viên này đã biết mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng được tổ chức sau khi các thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các Nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số (**trên 50%**) thành viên Hội đồng Quản trị có mặt. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.

11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng Quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về Nghị quyết của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì chuyển cho thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự kiến họp.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng Quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời;

c. Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp;

d. Các Nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

a. Những thành viên có quyền biểu quyết về Nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng;

b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

c. Loại Nghị quyết này có giá trị và hiệu lực như một Nghị quyết được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký chính thức. Tất cả những văn bản có chữ ký chính thức của từng thành viên phải được lưu giữ như một thành phần của Nghị quyết được thông qua.

14. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó phải xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp.

15. Những người được mời dự họp thính: Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng Quản trị theo lời mời của Hội đồng Quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết như thành viên của Hội đồng.

16. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền thực hiện nhiệm vụ cho các tiểu ban trực thuộc. Tiểu ban này có thể bao gồm một hay nhiều người khác ở ngoài Hội đồng. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được

ủy thác, mọi tiểu ban đều phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra tùy từng thời điểm. Những quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải thoả mãn các điều kiện sau:

a. Số lượng thành viên kết nạp thêm phải ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban;

b. Nghị quyết của tiểu ban đó sẽ không có hiệu lực nếu đa số thành viên có mặt tại cuộc họp thông qua Nghị quyết đó không phải là thành viên Hội đồng Quản trị.

17. Giá trị pháp lý của hoạt động: Mọi hoạt động được thực hiện theo quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của bất kỳ tiểu ban nào trực thuộc Hội đồng hoặc do bất kỳ người nào với tư cách thành viên của tiểu ban đó sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ

Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, 01 Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Người đại diện theo pháp luật là chủ tịch Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị. Giám đốc các đơn vị thành viên và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn theo một Nghị quyết được thông qua một cách hợp lệ.

Điều 39. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị căn cứ vào nhu cầu sản xuất và kinh doanh, Công ty sẽ có một số lượng nhất định các cán bộ điều hành thích hợp để thực hiện các công việc quản lý Công ty. Cán bộ điều hành phải có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác, phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động đối với người đại diện pháp luật, Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng Quản trị quyết định. Đối với các cán bộ điều hành khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định

trên cơ sở đề xuất của người đại diện theo pháp luật Công ty.

Điều 40. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm.

3. Trách nhiệm và quyền hạn:

Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

3.1. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc:

a. Thực hiện các Nghị quyết, các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.

b. Tổ chức và điều hành mọi hoạt động sản xuất thường nhật của Công ty một cách tốt nhất, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về hiệu quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được phân công.

c. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và các quy định của pháp luật.

d. Xin ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Hội đồng Quản trị đối với các nội dung vượt quá thẩm quyền và phải được Hội đồng Quản trị nhất trí.

e. Đề xuất với Hội đồng Quản trị về số lượng người lao động, cán bộ điều hành, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động đảm bảo phù hợp với pháp luật và Điều lệ của Công ty.

3.2. Quyền hạn của Tổng Giám đốc:

a. Có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng Quản trị nếu quyết định đó là trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải lập tức thông báo ngay cho Ban kiểm soát biết.

b. Được quyết định những biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp để ngăn ngừa hoặc hạn chế tác hại của thiên tai, dịch họa, hoả hoạn,

các sự cố nghiêm trọng và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị.

4. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông:

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho những cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Việc bãi nhiệm Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

6. Tiêu chuẩn lựa chọn chức danh Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc Công ty phải là người có đủ các điều kiện sau:

a. Là người có đủ năng lực hành vi pháp lý, có trình độ đại học trở lên một trong các ngành kinh tế, kỹ thuật hoặc quản trị kinh doanh; có ít nhất 03 năm công tác trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh của Công ty, có đủ kinh nghiệm và kiến thức quản lý Công ty.

b. Không là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người đã bị cơ quan luật pháp phán quyết là đã làm cho Công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản trị điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 41. Thư ký Công ty

Hội đồng Quản trị khi thấy cần thiết, có thể bổ nhiệm một Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng. Chi phí hoạt động của Thư ký Công ty sẽ được tính vào chi phí quản lý của Công ty. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b. Làm biên bản các cuộc họp.

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d. Cung cấp thông tin cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ Công ty.

e. Làm nhiệm vụ chuyên trách để hỗ trợ các nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng. Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn.

1. Ban kiểm soát gồm 03 người do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng phương thức bỏ phiếu kín.

Ban kiểm soát có nhiệm kỳ là 05 năm và có thể đồng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị của Công ty. Khi hết nhiệm kỳ, thành viên của Ban kiểm soát có thể được bầu lại. Khi bầu thành viên của Ban kiểm soát, Công ty phải thực hiện mục tiêu ít nhất một phần ba số thành viên Ban kiểm soát phải được bầu mới hoặc bầu lại vào mỗi Đại hội cổ đông thường niên. Sau khi hết nhiệm kỳ, Ban kiểm soát cũ có trách nhiệm phối hợp với Ban kiểm soát mới giải quyết dứt điểm những công việc tồn đọng trong vòng 30 ngày tính từ ngày hết nhiệm kỳ.

2. Tiêu chuẩn thành viên của Ban kiểm soát:

a. Thành viên của Ban kiểm soát phải là cá nhân được một cá nhân hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 5 Điều 22 của Điều lệ này đề cử bằng một phiếu đề cử theo mẫu của Công ty và có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông trong nhóm đề cử.

b. Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty và có trình độ từ Đại học hoặc tương đương đại học trở lên.

c. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ và am hiểu nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

d. Đáp ứng đầy đủ các điều kiện được quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp.

3. Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

Điều 43. Quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Được Hội đồng Quản trị tham khảo ý kiến về sự cần thiết và việc chỉ định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự bãi nhiệm hay rút lui của Công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Kiểm tra và báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;

d. Thường xuyên thông báo với Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;

h. Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty khi có yêu cầu của Ban kiểm soát để các thành viên của Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ của mình. Các yêu cầu về kiểm tra không được làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng Quản trị và không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Thành viên của Ban kiểm soát phải có trách nhiệm tuyệt đối bảo mật các thông tin kinh doanh của Công ty. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và trách nhiệm của mình. Nếu phát hiện có sự sai phạm mà không thông báo thì phải chịu trách nhiệm về các thiệt hại do sự việc này gây ra. Nếu có ý kiến đánh giá sai lệch thiệt hại đến lợi ích của Công ty hoặc lợi ích của cổ đông thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

4. Trưởng Ban kiểm soát có quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập các cuộc họp Ban kiểm soát và điều hành hoạt động của Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ công tác của các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Tổng mức thù lao cho các thành viên của Ban kiểm soát sẽ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc các cuộc họp liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

6. Sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các

cuộc họp là hai người.

7. Một thành viên Ban kiểm soát không có tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi tới trụ sở của Công ty;

c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn thành viên đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 12 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời gian đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 44. Trách nhiệm thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác phải được thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách là thành viên các tiểu ban của Hội đồng Quản trị một cách trung thực và theo cách thức mà họ tin vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành không được phép lợi dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được lợi dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc và các cán bộ điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch cá nhân khác. Những đối tượng này

chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không tra cứu vấn đề này.

3. Công ty không được cấp phép các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng ngoài mục đích phục vụ kinh doanh của Công ty cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc, cán bộ điều hành và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Không một thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào khác của họ được phép mua bán hoặc giao dịch tự do theo bất kỳ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty vào bất cứ thời điểm nào khi họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 46. Bồi thường thiệt hại cho người thi hành đúng nhiệm vụ được giao

Khi có một thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ hoặc các nhân viên của Công ty bị thiệt hại trong quá trình tham gia tố tụng do đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Công ty thì Công ty có trách nhiệm bồi thường cho người đó các chi phí thiệt hại hợp lý có liên quan đến quá trình tham gia tố tụng, với điều kiện là Hội đồng Quản trị xác định rằng việc tham gia tố tụng của người đó vì lợi ích của Công ty. Điều khoản này không áp dụng khi vụ kiện thuộc quyền khởi xướng của Công ty.

CHƯƠNG XI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 47. Tiêu chuẩn của người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước phải đáp ứng tiêu chuẩn theo Điều 37 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước đồng thời được giới thiệu, bầu, bổ nhiệm giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng hoặc chức danh quản lý, điều hành khác tại Công ty thì phải đồng thời đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh tương ứng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục, Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 48. Quyền và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước

1. Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện quyền, trách nhiệm của cổ đông đối với phần vốn nhà nước tại Công ty theo Điều 39 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà

nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15, Điều lệ này, Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước có quyền tham dự, tham gia ý kiến, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị (trong trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước là thành viên Hội đồng quản trị) theo quy định tại Điều lệ này, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 49. Những nội dung người đại diện phần vốn nhà nước phải xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu

Người đại diện phần vốn nhà nước kịp thời báo cáo, xin ý kiến Tổng cục, Bộ Quốc phòng trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết, quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị đối với các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15; quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước; quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 50. Chế độ báo cáo, giám sát

1. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất và báo cáo theo yêu cầu của Tổng cục, Bộ Quốc phòng về tình hình đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại Công ty quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng, Tổng cục; Quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện phần vốn nhà nước có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu, báo cáo phục vụ công tác giám sát, kiểm tra, đánh giá của Tổng cục, Bộ Quốc phòng và cơ quan có thẩm quyền; đồng thời có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện giám sát nội bộ về hoạt động đầu tư và quản lý vốn nhà nước tại Công ty: Giám sát hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; giám sát việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Hội đồng quản trị, người đại diện phần vốn nhà nước; giám sát việc đầu tư, chuyển nhượng vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia; việc quản lý của doanh nghiệp và các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu, quy định của pháp luật, Điều lệ này, quy chế hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước, quy định của Bộ Quốc phòng, Tổng cục và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 51. Quản lý vốn nhà nước tại Công ty

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư tại Công ty thông qua người đại diện phần vốn nhà nước theo các quy định tại Điều 27 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước có ý kiến về các chỉ tiêu tổng doanh thu, lợi nhuận sau thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu hoặc tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản của Công ty để doanh nghiệp xây dựng, thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, đồng thời làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 50 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 và báo cáo, đề xuất của người đại diện phần vốn của nhà nước để chỉ đạo về nội dung này.

3. Phần lợi nhuận, cổ tức được chia bằng tiền tương ứng với tỷ lệ cổ phần, vốn góp do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp nộp vào ngân sách nhà nước. Doanh nghiệp được chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng phần lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp trong trường hợp cần bổ sung vốn để đầu tư dự án.

Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu, sử dụng lợi nhuận sau thuế được chia tương ứng với tỷ lệ vốn do nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp để bổ sung vốn nhà nước tại doanh nghiệp được thực hiện sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương trên cơ sở đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Mục 4 Chương II Nghị định 366/2025/NĐ-CP.

CHƯƠNG XII

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 52. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành (sau khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận) có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện những thông tin này phải được bảo mật.

2. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và

cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

3. Mọi cổ đông có quyền biểu quyết đều có quyền yêu cầu Công ty cấp một bản sao Điều lệ Công ty miễn phí.

CHƯƠNG XIII

TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC QUẢN CHỨNG TRONG CÔNG TY

Điều 53. Tổ chức Đảng, các tổ chức quần chúng trong Công ty

Tổ chức Đảng trong Công ty hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, các quy định của Trung ương, là hạt nhân chính trị, lãnh đạo cán bộ Đảng viên và quần chúng trong Công ty thực hiện tốt chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Tham gia xây dựng và lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và người lao động trong Công ty. Xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, xây dựng Công ty vững mạnh toàn diện.

Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ cơ sở trong Công ty có quyền hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ theo hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Công ty và điều lệ của các tổ chức. Công ty Cổ phần 22 tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức trên hoạt động có hiệu quả.

Điều 54. Công nhân viên và Công đoàn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Người Đại diện Pháp luật phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua tổng thể về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, đào tạo, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi đối với cán bộ quản lý và người lao động.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Đại diện Pháp luật Công ty ký quyết định khen thưởng hoặc thi hành kỷ luật đối với các công nhân viên trong các trường hợp thẩm quyền của mình, đồng thời thông báo với Hội đồng Quản trị việc khen thưởng hoặc kỷ luật đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Người Đại diện pháp luật Công ty) có trách nhiệm thực hiện các chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội và bảo đảm các quyền lợi khác của người lao động trong Công ty theo quy định của Bộ luật lao động và Luật pháp Việt Nam về sử dụng lao động.

Công đoàn cơ sở cùng phối hợp với Chủ tịch Hội đồng Quản trị (người Đại diện pháp luật Công ty) xây dựng (hoặc bổ sung, sửa đổi) thoả ước lao động tập thể

theo đúng các quy định của pháp luật để thông qua và ký kết tại Hội nghị công nhân lao động hàng năm; Xây dựng và thực hiện đúng quy chế về hoạt động công đoàn; Quy chế mối quan hệ công tác giữa Công đoàn và Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Người Đại diện pháp luật Công ty) nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp và chính đáng cho người lao động thực hiện các công việc một cách tốt nhất vì lợi ích của Công ty và xã hội.

CHƯƠNG XIV PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 55. Phân chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm

Phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm được phân phối theo thứ tự như sau:

+ Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

+ Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

+ Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp.

+ Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động trong doanh nghiệp, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

+ Lợi nhuận còn lại thực hiện chia hết cổ tức bằng tiền mặt cho các cổ đông. Đối với khoản cổ tức được chia bằng tiền mặt cho phần vốn nhà nước góp trong doanh nghiệp thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Trường hợp, quy định của pháp luật về phương án phân chia cổ tức và lợi nhuận sau thuế hàng năm đối với doanh nghiệp có sự thay đổi nhưng Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty chưa thay đổi kịp thời thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 56. Cổ tức

1. Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ quỹ còn lại để chia cổ tức của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị có thể quyết định

ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

4. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu chi trả bằng tiền mặt sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền qua bưu điện tới địa chỉ đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phần có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông.

CHƯƠNG XV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 57. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty được mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

3. Công ty sẽ tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các Ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 58. Năm tài khoá và hệ thống kế toán

*** Năm tài khoá**

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

*** Hệ thống kế toán:**

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ tài chính chấp nhận.

2. Công ty lập sổ kế toán bằng Tiếng Việt. Công ty sẽ lưu trữ hồ sơ kế toán

theo loại hình các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đầy đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng tiền Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 59. Phân cấp quyền hạn tài chính

Trong các hoạt động đầu tư trực tiếp, gián tiếp, mua bán tài sản cố định, quan hệ tín dụng, thế chấp cầm cố tài sản, ký kết hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự giữa Công ty với các đối tác bên ngoài Công ty, theo quy mô sử dụng vốn đối với từng giao dịch phát sinh phải tuân theo nguyên tắc phân cấp quyền hạn như sau:

* Mua, bán tài sản bằng hoặc lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách của Công ty phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

* Các giao dịch khác tùy theo quy mô, tính chất sẽ thực hiện theo Hội đồng Quản trị ban hành.

CHƯƠNG XVI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 60. Báo cáo hàng năm

1. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải lập một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Bộ tài chính, để thông qua Đại hội đồng cổ đông và nộp cho các cơ quan theo pháp luật quy định.

2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cũng phải được gửi tới các cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền biểu quyết.

Điều 61. Công bố thông tin và thông báo cho công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu cần thiết khác phải được công bố cho các cổ đông và nộp cho cơ quan hữu quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVII

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 62. Kiểm toán

Trong trường hợp bắt buộc hoặc cần thiết, Hội đồng Quản trị sau khi tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính dựa trên những điều khoản và những điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị. Khi đó Công ty Kiểm toán sẽ thực hiện công việc trên các nguyên tắc sau:

- a. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- b. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình bày báo cáo cho Hội đồng Quản trị trong vòng một tháng kể từ ngày ký hợp đồng kiểm toán.
- c. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- d. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán của Công ty có thể được mời tham gia dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và nhận được các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và quyền phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVIII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 63. Con dấu

1. Hội đồng quản trị công ty họp và quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của công ty. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN 22
- Mã số doanh nghiệp: 0100512724

2. Tại thời điểm thành lập, Công ty đăng ký sử dụng 01(một) con dấu. Con dấu có hình tròn, đường kính 3,6 cm.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị của công ty có trách nhiệm quản lý và lưu giữ con dấu. Con dấu phải được lưu trữ và quản lý tại trụ sở chính của công ty. Trong trường hợp con dấu được mang ra ngoài thì phải được các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Trong trường hợp con dấu bị cong, vênh, biến dạng thì

công ty phải có nghĩa vụ thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Trước khi sử dụng, công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

5. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XIX

GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 64. Giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

a. Trường hợp Công ty bị lỗ tới 3/4 vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát triệu tập Đại hội cổ đông bất thường để quyết định việc giải thể Công ty;

b. Khi có lý do chính đáng xét thấy việc kinh doanh của Công ty không mang lại lợi ích cho cổ đông, Hội đồng Quản trị có quyền đề nghị triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường để quyết định giải thể Công ty;

c. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 65. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ hai phần ba (2/3) số cổ phiếu đang lưu hành có quyền được biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty chiếu theo một hay một số căn cứ khác.

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Có sự bất đồng nội bộ mà hai bên hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ

khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cho cả toàn thể cổ đông.

Điều 66. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty Kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c. Thuế và các khoản nộp khác mà Công ty phải trả cho Nhà Nước;

d. Các khoản vay (nếu có);

e. Các khoản nợ khác của Công ty;

g. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ tiết (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ nắm giữ.

CHƯƠNG XX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 67. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do pháp luật quy định giữa:

Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc hoặc cán bộ quản lý cao cấp, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tế liên quan đến tranh chấp trong vòng mười ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh, trừ trường hợp tranh chấp liên quan đến Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập với tư cách là

trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế. Quyết định của Tòa án hay của Trọng tài kinh tế là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI

BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 68. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được lập thành văn bản và do Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với các điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 69. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm XXII chương, 69 điều, đã được sửa đổi bổ sung và được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần 22 nhất trí thông qua ngày ... /.../ 2026 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Thay thế tất cả các bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần 22 quyết nghị ban hành trước đây.

2. Điều lệ được lập thành 20 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 05 bản gửi cho Hội đồng Quản trị;
- b. 03 bản gửi cho Ban kiểm soát;
- c. Các bản còn lại đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Bộ Quốc Phòng, Luật Doanh nghiệp và lưu giữ tại văn thư của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính xác của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

5. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và toàn thể cán bộ, nhân viên, người lao động Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm Điều lệ này.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**